

BIẾN ĐỔI VỀ VỐN XÃ HỘI CỦA NGƯỜI CHĂM HỒI GIÁO TỪ VIỆC ĐI LÀM ĂN QUA BIÊN GIỚI (Nghiên cứu ở huyện An Phú, tỉnh An Giang)

ĐOÀN VIỆT

1. Đặt vấn đề

Nghiên cứu về kinh tế hộ gia đình thông qua cách tiếp cận nghiên cứu các nguồn vốn như vốn tự nhiên, vốn vật chất, vốn nhân lực, vốn tài chính, vốn xã hội... là những nghiên cứu được các nhà khoa học xã hội trên thế giới thực hiện từ lâu. Ở Việt Nam, những nghiên cứu như vậy mới được quan tâm từ khoảng những năm đầu thế kỷ 21 (Nông Bằng Nguyên, 2003), tuy vậy, yếu tố vốn xã hội vẫn chưa được quan tâm nhiều. Riêng về người Chăm nói chung và người Chăm Hồi giáo nói riêng, chưa có một công trình nào nghiên cứu các nguồn vốn của các cộng đồng này. Trong khi đó, các nguồn vốn kể trên có quan hệ mật thiết và chi phối nhau, là nguyên nhân và động lực giúp người dân thoát nghèo hoặc đẩy họ vào tình trạng nghèo đói (Ngân hàng thế giới, 1999).

Vốn xã hội, theo định nghĩa của Bourdieu và Coleman, là tổng thể những tương quan tin cậy và tự nguyện được kiến tạo nên bởi sự chung sống của các thành viên trong đoàn thể hay cộng đồng, trong đó, các thành viên chia sẻ những giá trị chung, những quy tắc và sự ràng buộc chung, kết hợp với nhau tạo thành mạng lưới. Chức năng chính của vốn xã hội bao gồm kiểm soát xã hội, hỗ trợ gia đình và tìm kiếm nguồn lợi thông qua mạng lưới bên ngoài gia đình (Portes, 1998).

Tại các cộng đồng người Chăm Hồi giáo, vốn xã hội được hiểu là những tổ chức tôn giáo, tổ chức quan phương và phi quan phương mà họ gắn bó. Mặt khác, những yếu tố kết nối như hôn nhân, mạng xã hội... là cơ sở đảm bảo cho việc củng cố nguồn vốn xã hội, tìm kiếm an sinh.

Bài viết này bước đầu nghiên cứu kinh tế của người Chăm Hồi giáo ở huyện An Phú, tỉnh An Giang thông qua cách tiếp cận nghiên cứu nguồn vốn. Trong đó, vốn xã hội được chọn làm trục phân tích chính.

2. Khái quát chung về người Chăm Hồi giáo ở An Phú

An Phú là huyện nằm ở đỉnh cực Tây Bắc của vùng đồng bằng sông Cửu Long. Phía Tây và Bắc giáp Campuchia với đường biên giới dài khoảng 40,5km. Huyện An Phú có tổng diện tích tự nhiên khoảng 226km², hầu hết là đồng bằng, đất đai chủ yếu là đất phù sa. Hàng năm, An Phú chịu ảnh hưởng của mùa lũ, hay còn gọi là mùa nước nổi. Khoảng từ tháng 6 đến tháng 11 hàng năm, mực nước trên sông Mê Kông dâng cao. Mưa nhiều kết hợp với lượng nước tích tụ tại Biển Hồ của Campuchia làm gần như toàn bộ khu vực này chìm trong biển nước với độ ngập trung bình khoảng 2 - 3m. Địa thế của An Phú có vai trò quan trọng về chính trị và kinh tế, án ngữ nơi đầu nguồn của sông

Mê Kông chảy từ Campuchia vào Việt Nam, nằm trên tuyến giao thông đường thủy nối liền các tỉnh miền Tây ven sông Hậu Việt Nam với thủ đô Phnôm Pênh của Campuchia. Trước đây, giao thông đường bộ từ Long Xuyên, Châu Đốc qua An Phú khá bất tiện vì phải qua phà. Từ năm 2007, cầu Cồn Tiên được hoàn thành, nối liền An Phú với quốc lộ 91, trở thành con đường huyết mạch, trọng điểm trong phát triển kinh tế của địa phương.

Theo kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009, người Chăm Hồi giáo ở huyện An Phú có 5.624 người, chiếm 3,17% dân số huyện; cư trú tập trung tại 5 làng: làng Lama (xã Đa Phước), làng Ka Kapoak (xã Vĩnh Trường), làng Sa Bâu (xã Khánh Bình), làng Ka Kôki (xã Quốc Thái) và làng Ka Kôi (xã Nhơn Hội).

Người Chăm Hồi giáo ở An Phú không có truyền thống làm nông nghiệp. Mặc dù cư ngụ ở vùng này trên hai trăm năm nhưng họ chỉ quan tâm tới sở hữu đất thổ cư, không quan tâm tới đất nông nghiệp. Bản thân người Chăm Hồi giáo ở đây cũng tự gọi mình là cư dân “thương hồ hạ bạc”, có nghĩa là những cư dân buôn bán và làm nghề chài lưới.

Từ khoảng giữa thế kỷ 20 cho đến trước giải phóng đất nước năm 1975, kinh tế người Chăm Hồi giáo chủ yếu dựa vào các hình thức chài lưới trên sông, dệt thổ cẩm và buôn bán. Từ năm 1975 đến nay, hệ thống kinh tế của người Chăm Hồi giáo có những biến đổi rõ rệt. Một số hộ gia đình người Chăm tiếp cận và chuyển đổi sang sản xuất nông nghiệp chủ yếu bằng cách thuê đất sản xuất của người Việt trong vùng và người Khơ-me ở Campuchia. Nghề dệt thổ cẩm

truyền thống mất hẳn do sản phẩm không có đầu ra, không cạnh tranh được với các sản phẩm công nghiệp. Kết quả điều tra phiếu tại các làng Ka Kôi, Ka Kôki và Sa Bâu vào các năm 2007 và 2010 cho thấy số người đi làm ăn qua biên giới Campuchia chiếm tỷ lệ cao nhất, đạt 65,8% tổng số những người đi làm ăn xa; đi vùng nông thôn chiếm 21,2%; rồi đến các khu công nghiệp ngoài tỉnh - 12,3%, và các khu đô thị - 0,7%. Phổ biến nhất vẫn là hành nghề chài lưới ở Campuchia, chiếm 40,4%; rồi đến buôn bán nhỏ ở nông thôn với 21,2% và ở Campuchia - 19,2%; làm công nhân ở các khu công nghiệp ngoài tỉnh - 12,3%; canh tác nông nghiệp ở Campuchia - 6,2%; và làm cán bộ ở đô thị - 0,7%.

Vì theo đạo Hồi nên cộng đồng người Chăm Hồi giáo ở An Phú có đời sống văn hoá phong phú, vừa mang yếu tố Hồi giáo, vừa chịu tác động của nhiều yếu tố văn hóa bản địa. Hàng ngày, người Chăm ở đây phải cầu nguyện 5 lần: khi mặt trời chưa mọc, sau giờ cơm trưa, lúc xế chiều, chập tối và cuối ngày. Vào những thời điểm này, các hoạt động kinh tế dường như ngừng lại. Ngoài ra, người Chăm duy trì tháng chay tịnh - tháng *Ramadan* để họ chuộc mọi tội lỗi trước thượng đế (Allah). Trong tháng này, các tín đồ phải nhịn ăn từ khi mặt trời mọc cho tới khi mặt trời lặn; sau thời điểm này, họ sẽ ăn uống nhưng chỉ ăn ở gian bếp, kín đáo. Vào ngày cuối cùng của tháng chay, người Chăm tổ chức tiệc lớn - *tiệc xả chay* để trở lại nếp sống ngày thường.

Người Chăm Hồi giáo có tục ăn bốc vì cho rằng, đó là biểu hiện của sự trong sạch và thành kính đối với thượng đế. Tuy nhiên, họ không bốc thức ăn bằng tay trái vì quan niệm tay trái chỉ để cầm những thứ dơ

bản; do vậy, bốc thức ăn bằng tay trái là không tôn trọng người đối diện.

Người Chăm Hồi giáo cũng kiêng ăn thịt lợn và các loại sản phẩm được chế biến từ thịt lợn. Các loại động vật khác, nếu không được chính họ cắt tiết và cầu nguyện cho chúng, cũng không được phép ăn vì sợ mang tội với thượng đế, vì vậy, sẽ hại đến sức khỏe (bị ốm, rụng răng, đau bụng, mờ mắt, đau đầu, suy thoái hệ thống khứu giác và xúc giác...). Do đó, họ ít khi ăn thức ăn ở các hàng quán dọc đường, chỉ ăn đồ dự trữ mang theo hoặc tự nấu mỗi khi có việc đi xa.

Những đặc trưng văn hóa trên cơ sở tôn giáo của người Chăm Hồi giáo ở An Phú là một trong những yếu tố giúp họ cố kết cộng đồng chặt chẽ. Tuy nhiên, việc đi làm ăn xa và sự gia tăng của tình trạng này đã góp phần dẫn đến những thay đổi về mối quan hệ trong và ngoài cộng đồng của người Chăm.

3. Đi làm ăn qua biên giới Việt Nam - Campuchia và một số biến đổi về nguồn vốn xã hội của người Chăm Hồi giáo ở An Phú

Như đã trình bày ở trên, số lượng người Chăm đi làm ăn qua biên giới Việt Nam - Campuchia chiếm tỷ lệ cao trong số những người đi làm ăn xa. Công việc chính của họ ở Campuchia gồm đánh bắt thủy sản trên sông, buôn bán nhỏ và canh tác nông nghiệp. Điều này đã khiến cho phạm vi hoạt động kinh tế của họ không giống nhau. Những người làm nghề chài lưới chủ yếu đánh bắt thủy sản trên sông Mê Kông và các chi lưu, đoạn từ biên giới Việt Nam tới sát gần vùng Biển Hồ của Phnôm Pênh - địa bàn sinh sống chính của người Chăm Hồi giáo Campuchia. Những người canh tác nông

NGHIỆP CHỦ YẾU THUÊ ĐẤT SẢN SUẤT Ở KHU VỰC GẦN BIÊN GIỚI, DO ĐÓ, CÓ THỂ ĐI VÀ VỀ TRONG NGÀY. NHỮNG NGƯỜI BUÔN BÁN NHỎ Ở CAMPUCHIA, NGOÀI VÙNG NGƯỜI CHĂM, CÒN ĐI KHẮP CÁC TỈNH THÀNH, TỪ NÔNG THÔN ĐẾN THÀNH THỊ ĐỂ BÁN HÀNG. SỰ KHÁC BIỆT VỀ NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KIẾM SỐNG ĐÃ LÀM CHO NHỮNG NGƯỜI CHĂM ĐI LÀM ĂN XA VỪA KỂ TRÊN TẠO DỰNG THÊM MỐI QUAN HỆ VỚI NHỮNG NGƯỜI THUỘC NHÓM NGHỀ NGHIỆP CỦA MÌNH, DO VẬY, NGUỒN VỐN XÃ HỘI CỦA HỌ CŨNG THAY ĐỔI NHIỀU SO VỚI TRƯỚC ĐÂY.

3.1. Từ việc tìm kiếm nguồn lợi thủy sản tới hình thành liên minh làng hay liên minh thánh đường

Trong những năm gần đây, hoạt động đánh bắt thủy sản của họ có những biến đổi đáng kể: không chỉ đánh bắt thủy sản ở gần khu vực sinh sống như trước đây mà còn cả ở Campuchia trong 6 tháng đầu năm¹. Sự suy giảm nguồn cá là nguyên nhân chính khiến ngư dân Chăm nơi đây mở rộng địa bàn hoạt động qua biên giới Việt Nam - Campuchia.

Việc thay đổi địa bàn đánh bắt cá kéo theo sự thay đổi về phương thức tổ chức kinh tế. Trước đây, việc đánh bắt thuận lợi tại các sông rạch chảy trên địa bàn Việt Nam nên ngư dân “làm cá” tương đối đơn giản, sáng đi tối về, và gắn bó chặt chẽ với quê hương, làng xóm. Hiện nay, sự suy giảm nguồn cá và các thủy sản khác khiến ngư dân Chăm phải rời xa quê hương đến Campuchia để đánh bắt cá, đặc biệt trong mùa đánh bắt. Những người hành nghề này đã hình thành một mạng lưới cộng đồng “đồng hương” để hỗ trợ nhau trong công

¹ Campuchia có luật cấm đánh bắt thủy sản mùa cá đẻ, từ tháng 7 đến tháng 12 hàng năm nên người dân không được hành nghề chài lưới vào thời gian này.

việc. Chẳng hạn, ở làng Ka Kôki có 58 hộ đi đánh bắt cá ở Campuchia và đã tạo thành một cộng đồng làng chài cắm sào chủ yếu tại khu vực gần thánh đường Piệc Stê, cách biên giới Việt Nam khoảng 40km theo đường sông. Tương tự như vậy, 65 hộ của làng Ka Kapoak đánh bắt cá ở vùng ven Biển Hồ, gần thánh đường Chon Wa, cách biên giới Việt Nam 50km theo đường sông. Cùng với việc đánh bắt thủy sản, tiện có tàu thuyền, ngư dân cũng tranh thủ vận chuyển một số mặt hàng nhu yếu phẩm như xăng dầu, vải vóc, thuốc lá, đồ điện tử... để bán, tuy chỉ với số lượng ít.

Gắn liền với các hoạt động đánh bắt thủy sản và cư trú ở hai đất nước Việt Nam và Campuchia là việc gia tăng sự chia sẻ và liên kết giữa những người Chăm Hồi giáo ở hai quốc gia này, vốn có truyền thống lâu đời, cả về tộc người và tôn giáo. Mỗi liên kết này bị gián đoạn trong thời kỳ Mỹ - Ngụy và chiến tranh biên giới Tây Nam. Kể từ năm 1992, khi vùng biên giới Tây Nam Bộ trở nên ổn định hơn, cư dân Chăm vùng biên giới Việt Nam đã dần trở lại quê hương. Mặc dù vậy, mối liên hệ qua biên giới của họ với những người đồng tộc ở Campuchia vẫn còn rất hạn chế. Phải đến những năm đầu thế kỷ 21, đặc biệt từ năm 2004 trở lại đây, khi hiệp định đường biên giới Việt Nam - Campuchia được Chính phủ của hai nước có chung đường biên giới ký kết thành công, tình hình an ninh biên giới ổn định hơn trước, đồng thời, các cửa khẩu và khu biên mậu được thành lập, tạo nên sự thông thương trở lại của người dân hai nước này. Nhờ đó, việc làm ăn qua biên giới của người Chăm cũng có cơ hội phát triển.

Cùng với sự nối lại mối liên hệ và nhu cầu phát triển kinh tế trong thời đại mới,

mối liên hệ giữa các thánh đường, hay nói cách khác là mối liên hệ giữa các làng Chăm được hình thành. Từ biên giới Việt Nam tới khu vực Biển Hồ, dọc theo dòng sông Mê Kông có 6 thánh đường Hồi giáo: *Lùng san 1*, *Lùng san 2*, *Piệc nốt*, *Piệc pra*, *Piệc Stê* và *Chon wa*. Tất cả các thông tin viên đều cho rằng khi làm ăn tại Campuchia, họ được cộng đồng người Chăm ở địa phương hỗ trợ về các phương diện như thực hành tôn giáo, cư trú, giao thương buôn bán, quan hệ với chính quyền địa phương và chia sẻ thông tin thị trường.

Với thời gian cắm sào ở Campuchia khoảng 6 tháng, họ được chào đón, ủng hộ khi tham dự nghi lễ tôn giáo ở các thánh đường nước bạn. Chính từ họ, mối quan hệ giữa các thánh đường hai bên biên giới được tạo lập và phát triển. Tại An Phú, chúng tôi ghi nhận được khá nhiều cuộc viếng thăm, dự lễ, tương trợ, ủng hộ... giữa các cộng đồng Hồi giáo Việt Nam - Campuchia. Năm 2004, Ban quản trị thánh đường Ka Kôki (Việt Nam) thăm thánh đường Piệc Stê (Campuchia); năm 2005, Ban quản trị thánh đường Lama (xã Đa Phước, huyện An Phú) thăm thánh đường Piệc Pra (Campuchia); năm 2007, Ban quản trị thánh đường Ka Kôki thăm thánh đường Lùng San 1; năm 2011 khánh thành thánh đường Piệc Nốt (Campuchia). Ngược lại, các thánh đường bên nước bạn cũng có những cuộc thăm viếng, dự lễ tại các thánh đường Hồi giáo ở An Phú. Điều này đã góp phần tạo điều kiện thuận lợi để các tín đồ của hai quốc gia phát triển cả việc đạo và việc đời. Trong điều kiện kinh tế hạn hẹp như hiện nay, việc hành hương về thánh địa Mecca trong tháng lễ *Hajih* - một đặc trưng văn hóa không thể thiếu trong cuộc đời hành đạo của người Hồi giáo - được thay thế bằng việc

hành hương tới 7 thánh đường Hồi giáo khác (có giá trị tương đương với việc hành hương về Mecca) là một phương thức thuận lợi, khả thi đối với phần lớn người Chăm ở An Phú và Campuchia. Những cuộc viếng thăm như vậy kết nối cư dân các vùng lại gần hơn và tăng cường khả năng kết nối mạng lưới của những người đi làm ăn xa. Từ góc nhìn khác, việc đi làm ăn xa giúp cho người Chăm Hồi giáo có sự mở rộng, giao kết với các cộng đồng Hồi giáo trong khu vực và trên thế giới.

3.2. Từ những thương gia “lữ hành” tới những người đi làm ăn xa và sự lệ thuộc vào các tổ chức, tập đoàn kinh tế

Kinh doanh buôn bán nhỏ trên các ghe thuyền, len lỏi xuyên khắp các chi lưu của vùng hạ lưu sông Mê Kông là tập quán kinh tế lâu đời của người Chăm Hồi giáo ở An Phú. Tập quán này xuất phát từ thực tế xã hội, cư trú ở vùng thường xuyên chịu lũ của sông Cửu Long, đất đai dành cho canh tác không nhiều. Theo thống kê của UBND huyện An Phú, ấp Búng Lớn (Ka Kô) của xã Nhơn Hội là địa phương có tỷ lệ số hộ người Chăm sở hữu đất nông nghiệp cao nhất so với các địa phương khác. Mặc dù vậy, con số cũng rất khiêm tốn, có 28% số hộ sở hữu đất nông nghiệp và diện tích bình quân mỗi hộ có khoảng 6.200m²; ở các địa phương khác, đất đai sản xuất mà người Chăm sở hữu thực sự ít ỏi; cá biệt như ở ấp Ka Kôki, toàn bộ 100% hộ dân không sở hữu đất nông nghiệp.

Theo truyền thống và giáo lý đạo Hồi, việc kiếm tìm nguồn sinh kế nuôi sống gia đình là nhiệm vụ của người đàn ông, phụ nữ không được phép giao lưu với cộng đồng bên ngoài. Do đó, nam giới là lực lượng chính tham gia vào công việc buôn bán xa nhà.

Hàng hóa buôn bán chủ yếu là các sản phẩm thủ công nổi tiếng của người Chăm như lụa Mỹ Á, Tân Châu, các mặt hàng gia dụng, các nhu yếu phẩm phục vụ nhu cầu ăn, mặc, sinh hoạt của người dân. Hàng hóa được mua tại các chợ đầu mối trong vùng hoặc do thương nhân người Hoa cung cấp.

Hệ thống các thương nhân “lữ hành” này hoạt động khá độc lập và cát cứ, ít có sự chia sẻ thông tin và luôn luôn có yếu tố cạnh tranh thị trường. Họ quán triệt phương châm “thà cho vàng còn hơn chỉ đàng đi buôn”, do vậy, không tạo thành những hội đoàn hay các phường buôn. Mặt khác, theo chúng tôi, việc lựa chọn hình thức buôn bán nhỏ theo kiểu “lữ hành” cũng xuất phát từ thực tế lịch sử. Với địa bàn cư trú ven các đô thị, trung tâm của vùng như Châu Đốc, là địa bàn tập trung đông người Hoa sinh sống - một trong những cư dân nổi tiếng với tập quán kinh tế thương mại, dịch vụ nên việc kinh doanh tại chỗ không cạnh tranh được, họ phải tìm tới các thị trường nhỏ, lẻ ở vùng sâu, vùng xa. Việc tiếp cận các thị trường này phụ thuộc nhiều vào yếu tố cá nhân như sự chủ động về nguồn vốn tài chính, nguồn vốn nhân lực và khả năng giao tiếp của mỗi cá nhân hay gia đình. Do vậy, hình thức buôn bán nhỏ, lẻ theo hộ gia đình là hình thức phổ biến.

Cho tới những năm cuối thế kỷ 20 và những năm đầu thế kỷ 21, cùng với sự phát triển của xã hội và khoa học công nghệ, hệ thống giao thông đường bộ phát triển kéo theo sự phát triển của các trung tâm thương mại ở hầu khắp các địa bàn, từ đô thị tới nông thôn, khiến địa bàn kinh doanh của những thương nhân người Chăm có sự thay đổi.

Theo số liệu điều tra bằng phiếu hỏi được thực hiện vào các năm 2007 và 2010,

như đã trình bày ở trên, có 19,2% đi buôn bán tại Campuchia, 21,2% buôn bán tại các tỉnh khác ở Việt Nam. Trong số này, những thương nhân độc lập, làm ăn theo kiểu sử dụng nguồn vốn tài chính riêng của gia đình, chủ động cung cấp các mặt hàng theo khả năng và nhu cầu của thị trường chiếm số lượng không nhiều, chỉ có gần 6% trường hợp buôn bán tại Việt Nam và không có trường hợp nào buôn bán tại Campuchia. Thay vì sử dụng nguồn vốn tài chính của gia đình, họ trở thành những mắt xích kinh tế của các tập đoàn kinh tế bên ngoài để kiếm tìm thêm nguồn sinh kế nuôi sống gia đình. Các tập đoàn này có quy mô lớn nhỏ khác nhau, tùy theo sự tiếp cận và mối liên hệ riêng của các cá nhân, có thể là một đầu nậu hàng hóa hoặc cũng có thể là những công ty trách nhiệm hữu hạn. Hầu hết các tập đoàn này là người Việt hoặc người Hoa ở Việt Nam, một số ít là người Hoa ở Campuchia.

Sự cộng tác giữa các thương nhân người Chăm Hồi giáo và các tổ chức kinh tế kiểu này cũng rất mở, hầu như không có sự ràng buộc về pháp lý, họ không có hợp đồng lao động, không có lương cứng mà đơn giản chỉ là những người sử dụng nguồn vốn con người, hoạt động buôn bán dựa trên thông tin kinh tế, thị trường tiêu thụ, sản phẩm cung cấp sẵn để hưởng chênh lệch.

Như vậy, trong điều kiện xã hội Việt Nam ngày càng phát triển theo xu hướng hòa nhập với khu vực và quốc tế, cùng với nguồn vốn con người với các đặc trưng riêng như sức khỏe, kinh nghiệm, tri thức, ngôn ngữ... người Chăm Hồi giáo ở An Phú đã và đang thâm nhập, mở rộng nguồn vốn xã hội nhằm kiến tạo, tích lũy nguồn vốn tài chính của gia đình.

Không chỉ vậy, ở một vài trường hợp đã tạo dựng được vị thế cao hơn, có khả năng trở thành một nguồn vốn xã hội, thu hút, dung nạp những cá nhân khác. Trường hợp của Machsot ở làng Ka Kôi và Mach Amil ở làng Sa Bâu là hai ví dụ điển hình. Năm 2004, chồng của Hydro là Machsot đi bán bếp ga rong ở Campuchia. Sau khi tích lũy được một nguồn vốn tài chính nhất định, năm 2008, Machsot liên kết với một người họ hàng quốc tịch Campuchia mở một cửa hàng gia dụng tại địa phận của thánh đường Piệc Pra và đưa vợ con sang đó sinh sống. Trong dự định của mình, Machsot cho biết thời gian tới anh sẽ về Việt Nam, làm thủ tục mở công ty và xin đăng ký kinh doanh tại Campuchia, từ đó sẽ mở rộng đối tác và thị trường. Mach Amil, người làng Sa Bâu lại là một ví dụ khác. Năm 1999, Mach Amil bắt đầu đi bán hàng rong tại Campuchia, bao gồm các mặt hàng gia dụng như quần áo, giày dép... Năm 2003, thông qua một vài người họ hàng có quốc tịch Campuchia và mạng lưới xã hội của họ, Mach Amil chuyển đổi sang kinh doanh mặt hàng da trâu bò. Cho đến năm 2010, Mach Amil đã tạo dựng được hơn 10 cơ sở thu mua tại Campuchia, quy mô của mỗi chuyến hàng nhập biên về Việt Nam lên tới 300 - 500 triệu đồng.

Nhìn chung, cùng với sự phát triển của xã hội, nguồn vốn xã hội của người Chăm Hồi giáo cũng được mở rộng. Tuy nhiên, mối quan hệ lệ thuộc vào các tổ chức kinh tế của những người đi làm ăn, buôn bán qua biên giới Campuchia cũng mới chỉ đang ở tình trạng khởi đầu, các mối quan hệ chủ yếu dựa trên cơ sở tín nhiệm, chứ chưa ràng buộc về pháp lý. Dù vậy, đây cũng là những tín hiệu khả quan để hướng tới một xã hội

hoàn thiện hơn, chuyên nghiệp hơn và đảm bảo an sinh bền vững hơn.

3.3. Ảnh hưởng của các yếu tố kết nối trong việc mở rộng nguồn vốn xã hội

Mạng xã hội là một yếu tố quan trọng trong quá trình mở rộng nguồn vốn xã hội nhằm phát triển sinh kế. Ở người Chăm Hồi giáo An Phú cũng vậy, việc mở rộng mạng lưới quan hệ xã hội giúp cho họ có được những cơ hội tốt, đặc biệt khi đi làm ăn qua biên giới Campuchia. Điều này càng có ý nghĩa hơn khi họ chỉ sở hữu nguồn vốn nhân lực và thiếu nguồn vốn tài chính. Mỗi quan hệ trên cần phải được đảm bảo bởi uy tín của các cá nhân trong mạng.

Mỗi quan hệ mạng xã hội không chỉ dừng lại ở những người đồng tộc, đồng tôn giáo mà còn mở ra với tất cả những đối tượng khác trong xã hội, từ cá nhân cho tới các tổ chức. Mỗi quan hệ xã hội càng rộng thì việc đảm bảo sự ổn định về sinh kế và thu nhập càng bền vững.

Thông qua các mối quan hệ xã hội, các mối quan hệ ở cấp cao hơn cũng được mở ra. Trong đó, mối liên kết có tính chất bền chặt nhất là sự kết nối hôn nhân. Cùng với việc qua lại biên giới, kết nối với cộng đồng người Chăm ở Campuchia, các mối liên minh hôn nhân của cư dân Chăm ở Việt Nam với những người đồng tộc ở Campuchia có điều kiện phát triển mạnh mẽ. Theo điều tra của chúng tôi, mối quan hệ hôn nhân giữa người Chăm Hồi giáo An Giang và người Chăm Hồi giáo Campuchia có một thời kỳ bị gián đoạn khoảng 20 năm, từ sau giải phóng đất nước năm 1975 cho tới những năm cuối thế kỷ 20. Trong giai đoạn này, chúng tôi chỉ ghi nhận được duy nhất

một trường hợp của Samael (nam), sinh năm 1966, người thôn Ka Kôi lấy vợ là cô Mari, sinh năm 1969, người huyện Cothum, tỉnh Candan, Campuchia vào năm 1980. Trong khi đó, trước năm 1975, ở Ka Kôi có 14 cặp, thôn Sa Bâu có 4 cặp và thôn Ka Kôki có 5 cặp hôn nhân Việt Nam - Campuchia. Từ khoảng năm 1995 trở lại đây, việc kết hôn giữa người Chăm Việt Nam và người Chăm Campuchia có xu hướng gia tăng trở lại; ở làng Ka Kôi có 23 cặp, làng Sa Bâu - 6 cặp và làng Ka Kôki - 9 cặp. Hầu hết những cuộc hôn nhân này đều có sự mai mối của dòng họ ở cả hai quốc gia. Chẳng hạn như chị Roni lấy chồng là anh Cariem, người Chăm ở thánh đường Piệc Stê năm 2007 là do họ hàng của Roni đi làm ăn xa tại Campuchia giới thiệu chị Roni với anh Cariem và họ đã tiến tới cuộc hôn nhân này. Trường hợp khác như anh Miron, người làng Sa Bâu, lấy chị Ashisha, người Chăm ở thánh đường Piệc Nốt, Campuchia năm 2008, là do anh Miron đi buôn bán ở Campuchia, được họ hàng giới thiệu và giúp đỡ tổ chức hôn ước.

Không chỉ vậy, việc kết hôn giữa người Chăm Hồi giáo ở An Giang còn được kết hợp với người Khơ-me ở Campuchia. Sự kết hợp này là kết quả của việc đi làm ăn xa, giao lưu, tiếp xúc, tìm hiểu và rồi đi đến hôn nhân của các cặp vợ chồng. Cho tới năm 2011, có 3 cặp hôn nhân kiểu này ở làng Ka Kôi và 1 cặp ở làng Ka Kôki.

Việc kết hôn xuyên biên giới của cư dân ven biên giới không phải là điều quá đặc biệt, nhất là khi họ là những người có chung một nền tảng văn hóa dân tộc và tôn giáo. Dù vậy, điều đáng bàn là hầu hết các cặp hôn nhân kiểu này đều tổ chức hôn lễ và

nhập tịch về Việt Nam. Ở đây, yếu tố tập quán văn hóa cư trú bên vợ của họ không còn được bảo lưu. Điều này cho thấy ẩn sau mỗi quan hệ đó là những khía cạnh xã hội đáng quan tâm. Kết quả điều tra bước đầu cho thấy lý do duy nhất mà những người vừa kể trên nhập tịch về Việt Nam là do muốn được hưởng những ưu đãi về chính sách cho đối tượng người dân tộc thiểu số của chính phủ Việt Nam. Họ cho rằng, giáo dục, y tế và chính sách phát triển kinh tế của Việt Nam ưu việt hơn Campuchia. Mặt khác, trật tự xã hội ở Việt Nam an toàn hơn; điều kiện để con cái họ sau này được phát triển, mở rộng ra các cộng đồng Hồi giáo lớn trên thế giới cũng tốt hơn. Nhìn chung, môi trường xã hội ở Việt Nam được xem là ưu việt hơn Campuchia, trong khi môi trường kinh tế ở Campuchia thuận lợi hơn ở Việt Nam. Do vậy, nhập tịch về Việt Nam và làm ăn ở Campuchia là lựa chọn tối ưu.

Như vậy, việc kết hôn xuyên biên giới của người Chăm Hồi giáo An Giang và người Chăm Hồi giáo Campuchia đã tạo nên những mối liên minh dòng họ. Mỗi liên minh này có sự liên kết bền chặt, sâu sắc nhờ được đảm bảo bằng mối quan hệ dòng máu ruột thịt. Một mặt, liên minh này tạo nên sự cố kết cộng đồng, mặt khác, nó là tiền đề cho sự phát triển xã hội, tạo nên những liên minh khác, trong đó có liên minh kinh tế.

3.4. Sự nỗ lực của các tổ chức quan phương, sức ỳ của các yếu tố vốn xã hội và những biến chuyển trong loại hình sinh kế của người Chăm Hồi giáo

Cùng với nhiệm vụ quản lý, xây dựng cơ sở vật chất và đời sống kinh tế nhân dân, các tổ chức quan phương từ tỉnh, huyện,

xã đến các thôn làng đã có những hoạt động tích cực trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt ở vùng người Chăm Hồi giáo. Nhận thức được tính chất đặc thù về sinh kế và kinh tế của cộng đồng người Chăm Hồi giáo, bên cạnh những chính sách an sinh xã hội, các chính sách, chương trình về lao động và việc làm là những ưu tiên hàng đầu mà chính quyền tỉnh An Giang và huyện An Phú triển khai ở vùng người Chăm. Với quan điểm ưu tiên sản xuất tại chỗ, các chính sách hỗ trợ của chính quyền cũng như các tổ chức xã hội khác đã quan tâm đến nghề dệt truyền thống và nông nghiệp. Tuy nhiên, kết quả không khả quan. Nghề dệt do không tìm được thị trường và khách hàng nên hầu như đã không còn được tiếp nối. Trong nông nghiệp, nổi bật nhất là phát triển chăn nuôi gia súc, chủ yếu là nuôi bò, ở các cộng đồng Chăm. Trong thời gian từ năm 2000 đến năm 2010, số lượng gia súc ở một số làng đã tăng lên, từ 97 con lên thành 300 con (làng Ka Kôi); hoặc từ 88 con lên thành 420 con (làng Ka Kôki); từ 105 con lên thành 450 con (làng Ka Kapoak).

Tuy kém phát triển hơn chăn nuôi nhưng trồng trọt cũng đã có những thay đổi, đặc biệt trong nhận thức của người dân về lĩnh vực này. Những hộ có sở hữu đất nông nghiệp bắt nhịp với nhịp độ sản xuất chung của các dân tộc khác trong khu vực, đặc biệt là với sản xuất của người Kinh. Ở các khu vực ruộng cao, hoặc vùng bờ bãi ven sông, ruộng được cải tạo thành đất trồng màu, cung cấp đều đặn cho thị trường các sản phẩm rau quả như dưa leo, ớt... Từ những năm đầu thế kỷ 21, khi việc cắm mốc biên giới Việt Nam - Campuchia chính thức được xác nhận, một số ít hộ dân (chủ yếu ở hai xã

giáp biên là Nhon Hội và Khánh Bình) đặt nền móng kinh tế của gia đình vào sản xuất nông nghiệp bằng cách chuyển đổi cơ cấu kinh tế hộ từ đánh bắt cá sang thuê đất làm nông nghiệp. Đất đai được thuê lại của nông dân Campuchia, chủ yếu thuộc các khu vực giáp biên. Sự chuyển biến này bắt nguồn từ việc thực hiện chính sách của các cấp chính quyền huyện, xã. Sau khi phân định mốc biên giới, ổn định lại đất đai và chịu ảnh hưởng của cư dân Việt trong xã vốn có truyền thống sản xuất nông nghiệp, các hộ người Chăm được định hướng, giúp đỡ để phát triển nông nghiệp. Tuy vậy, cho đến nay, số lượng hộ tham gia phát triển trồng trọt không nhiều, khoảng 6% số hộ ở làng Sa Bâu (xã Khánh Bình) và 2,2% số hộ làng Ka Kôi (xã Nhon Hội). Nguyên nhân là do ảnh hưởng của phương thức kinh tế truyền thống đến tư tưởng của người dân và những hạn chế về đất sản xuất của địa phương. Dù vậy, cũng không thể phủ nhận rằng bước đầu các tổ chức quan phương, đặc biệt là chính quyền cơ sở và các tổ chức quần chúng (Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh...) đã và đang tham gia ngày càng nhiều vào việc hoạch định phát triển sinh kế của người Chăm Hồi giáo.

Trong khi đó, các chính sách và công tác hỗ trợ người đi làm ăn xa lại chưa phát huy hiệu quả. Do suy thoái môi trường và nguồn thủy sản nên những hộ làm nghề chài lưới phải tìm kiếm vùng đánh bắt thủy sản ngoài địa phương, vốn dường như nằm ngoài phạm vi kiểm soát của chính quyền cơ sở. Việc chuyển đổi nghề nghiệp và sinh kế cho người dân là rất khó khăn, đặc biệt khi công tác đào tạo việc làm và tìm kiếm thị trường lao động của huyện An Phú đang trong tình

trạng “đóng băng”. Trung tâm đào tạo nghề của huyện, dù đã có chính sách ưu đãi về kinh phí đào tạo và hỗ trợ việc làm, vẫn chưa thu hút được đối tượng người Chăm Hồi giáo tham gia vào các lớp đào tạo nghề. Đối với những người có xu hướng đi làm ăn xa, đặc biệt là tầng lớp thanh niên, nhằm phát triển đối tượng lao động có tay nghề và trình độ, tỉnh An Giang và huyện An Phú đã triển khai Đề án 20A từ năm 2010. Đề án này kết nối với các trung tâm công nghiệp, nơi có nhu cầu tuyển dụng lao động và hỗ trợ trực tiếp cho người tham gia 700.000 đồng/trường hợp. Bước đầu, Đề án đã có những thành công nhất định. Như đã trình bày, qua gần 2 năm triển khai, cho đến giữa năm 2012, đã có 12,3% số người đi lao động ngoài tỉnh trở thành công nhân của các khu công nghiệp. Dù vậy, do các yếu tố đặc trưng của Hồi giáo vốn đòi hỏi người dân phải đi hành hương tới thánh địa Mecca hoặc các vùng Hồi giáo khác (lễ *Hajih*) và lễ nhịn ăn *Ramadan*, nên những thành công này có nguy cơ không bền vững.

Rõ ràng, những rào cản như vậy khiến người Chăm Hồi giáo ít có khả năng tham gia các hoạt động sản xuất hiện đại. Thay vào đó là các hoạt động sinh kế tự do cho phép người dân có thể chủ động về mặt thời gian làm việc. Như vậy, những yếu tố đặc trưng của vốn xã hội cơ bản của người Chăm Hồi giáo đã hạn chế việc phát triển sinh kế của họ theo hướng chuyên nghiệp hóa.

4. Kết luận

Đi làm ăn xa là một đặc thù kinh tế của người Chăm Hồi giáo ở An Phú. Ngày nay, dưới tác động của quá trình toàn cầu hóa khá nhanh và mạnh, sản xuất tại chỗ

kém phát triển, sự suy giảm của nguồn tài nguyên, đi làm ăn xa của người Chăm cũng có những biến đổi về cả quy mô, hình thức và địa bàn hoạt động. Xu hướng chính vẫn là đi làm ăn xa ở Campuchia.

Việc đi làm ăn xa, đặc biệt là qua biên giới Campuchia, đã giúp người Chăm Hồi giáo mở rộng nguồn vốn xã hội, từ đó có những thay đổi về quy mô của các loại hình sinh kế nhằm tạo dựng nguồn vốn tài chính và nguồn vốn vật chất. Trong những nguồn vốn xã hội được mở rộng, nổi bật lên là sự mở rộng về mối liên kết với các địa phương Hồi giáo ở Campuchia, từ đó tạo thành bàn đạp, có thể liên kết với những tổ chức Hồi giáo trên thế giới.

Do những đặc trưng cơ bản của đạo Hồi nên việc tiếp cận và thâm nhập thị trường của người Chăm chưa thực sự chuyên nghiệp hóa nhằm hướng tới sự phát triển bền vững. Người đi làm ăn xa vẫn ở trong tình trạng tự do, tự phát và không ổn định.

Các chính sách phát triển kinh tế - xã hội của các cấp chính quyền từ trung ương tới địa phương đã phần nào phát huy tính hiệu quả của nó, đặc biệt là trong phát triển sản xuất tại chỗ, lao động chuyên nghiệp tại các khu công nghiệp... Điều này đưa người Chăm Hồi giáo tiếp cận gần hơn với nguồn vốn xã hội là các tổ chức quan phương, tạo dựng sự liên kết và cùng phát triển của người Chăm Hồi giáo với cộng đồng các dân tộc láng giềng. Sự thành công này dựa trên cơ sở kết nối và dung hòa ba yếu tố là chính sách xã hội, đặc trưng tôn giáo và nhu cầu phát triển của người dân.

Cuối cùng, với nguồn vốn xã hội cơ bản là đạo Hồi cùng những đặc trưng khác biệt, khó dung hòa với các nền văn hóa khác, người Chăm Hồi giáo ở An Giang có xu hướng tập trung mở rộng mạng lưới xã hội của họ với các mạng lưới của những cộng đồng đồng tôn giáo bên ngoài, và xem nhẹ các mạng lưới xã hội trong nước. Việc tập trung nguồn lực dựa trên sự cố kết cộng đồng giữa hai bên biên giới một mặt giúp cho sự phát triển kinh tế của chính cộng đồng đó phát triển, mặt khác tạo thành sự cản cứ văn hóa. Từ đó, đặt ra những thách thức về quản lý con người, quản lý văn hóa xã hội và quản lý nhà nước. Vấn đề này cần được tiếp tục nghiên cứu nhằm tìm ra những giải pháp hữu hiệu, tiến tới mục tiêu phát triển bền vững các cộng đồng dân tộc Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

1. Đặng Nguyên Anh (1998), “Vai trò của mạng lưới xã hội trong quá trình di cư”, *Tạp chí Xã hội học*, Số 2.
2. Ngân hàng thế giới (1999), *Việt Nam - tiếng nói của người nghèo*, Hà Nội.
3. Nông Bằng Nguyên, (2003), *Ảnh hưởng của vốn xã hội và các dạng vốn khác nhau đến mức sống của nông thôn Việt Nam (Qua trường hợp xã Trịnh Xá, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam)*, Báo cáo cuối khóa Chương trình đào tạo liên ngành nghiên cứu Khoa học xã hội do Viện Khoa học xã hội Việt Nam và Hội đồng Khoa học xã hội Mỹ phối hợp tổ chức, Hà Nội.
4. Portes, Alejandro (1998), “Social Capital: Its Origins and Applications in Modern Sociology” (Vốn xã hội: Nguồn gốc và ứng dụng trong xã hội học hiện đại) (Bản dịch tiếng Việt), *Annual Reviews of Sociology*, Số 22.